

Bản án số: 07/2019/HS-ST

Ngày 15/03/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Văn Đủ.

Ông Lý Ba Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh – Thư ký tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên thực hành quyền công tố tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Nông Ngọc M, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1989 tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm LL, thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Xuân B (đã chết) và bà Hòa Thị Thanh T; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con gì; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nông Thị Kim T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm LL, thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt)

- Người làm chứng: Hòa Thị Thanh T - sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Xóm LL, thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Người chứng kiến:

1. Vũ Hoàng N, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm TT, xã TX, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

2. Thái Hữu G, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm LL, thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

3. Vương Trọng T, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm CL, xã PT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do là người nghiện ma túy nên khoảng 19 giờ 40 phút ngày 07/12/2018 Nông Ngọc M, sinh năm 1989 một mình điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 20N5 - 3640 đi từ nhà tại xóm LL, thị trấn ĐC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực Cầu Gia Bầy, thành phố Thái Nguyên với mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi M gặp một người đàn ông không quen biết, không biết tên, địa chỉ ở đâu, M đã mua ma túy của người đàn ông này với giá 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), sau đó M điều khiển xe máy đi về nhà và chia số ma túy mua được ra thành nhiều gói nhỏ để sử dụng dần.

Đến 9 giờ 30 phút ngày 10/12/2018 M điều khiển xe mô tô có biển kiểm soát nêu trên đi từ nhà theo hướng thị trấn ĐC đi xã TX. Đến khu vực xóm TT, xã TX thì bị Tổ công tác Công an huyện V phối hợp với Công an xã TX kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Nông Ngọc M có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ của Nông Ngọc M gồm có: Một gói nilon màu trắng bên trong có 07 gói nhỏ giấy bạc màu vàng chứa chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; một điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2. Tổ công tác tạm giữ chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 20N5 - 3640.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp đồ vật, nhà ở đối với Nông Ngọc M và cân xác định toàn bộ khối lượng chất bột màu trắng dạng cục, dạng bột thu giữ của M. Kết quả khám xét: Thu giữ tại dưới gối phía đầu giường ngủ của M 02 túi nilon màu trắng bên trong hai túi đều chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột, hai túi nilon thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A3; kết quả cân xác định trọng lượng như sau: Toàn bộ chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 có khối lượng 0,362 gam, trong phong bì ký hiệu A3 có khối lượng 1,692 gam. Lấy toàn bộ 0,362 gam niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 và 1,692 gam niêm phong vào phong bì ký hiệu M2 làm mẫu vật gửi giám định. Còn lại mảnh phong bì cũ, giấy bạc màu vàng niêm phong vào phong bì ký hiệu B1; phong bì cũ và hai túi nilon màu trắng niêm phong vào phong bì ký hiệu B2 để bảo quản theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số: 125/KL-PC09 ngày 17/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,362 gam; chất bột màu trắng trong mẫu M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 1,692 gam

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSVN ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố Nông Ngọc M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo đã phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nông Ngọc M từ 18 tháng tù giam đến 24 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/12/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 0,346 gam được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 và 1,681 gam được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2; một vỏ phong bì niêm phong cũ ký hiệu C1; một vỏ phong bì niêm phong đã cũ; một phong bì ký hiệu B1 được dán kín bên trong có chứa 01 (một) túi nilon màu trắng, 07 (bảy) gói giấy bạc màu vàng, 01 vỏ phong bì A1; một phong bì ký hiệu B2 được dán kín bên trong có chứa 02(hai) túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ký hiệu A3 là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị.

Trả lại cho bị cáo số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) và một điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 864271032986582; IMEI 2: 864271033087588, riêng số tiền 500.000 đồng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 20N5 - 3640 quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định chiếc xe mô tô nêu trên là của chị Nông Thị Kim T – Sinh năm 1988 (là chị gái ruột của M) cho M mượn xe để sử dụng, ngày 28/12/2018 cơ quan điều tra Công an huyện V đã trả lại xe mô tô trên cho chị T quản lý và sử dụng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy, các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[2] Về tội danh: Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về việc bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bị bắt quả tang vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 10/12/2018 trên đường thuộc xóm TT, xã TX, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Lời khai của bị cáo là tự nguyện, khách quan, phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với Kết luận giám định số 125/KL-PC09 ngày 17/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên và phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là Heroin với tổng khối lượng 2,054 (0,362 + 1,692) gam nhằm mục đích sử dụng của Nông Ngọc M đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, khung hình phạt mà bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nông Ngọc M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhưng xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Nông Ngọc M là đối tượng nghiện, không có thu nhập ổn định, thực hiện hành vi phạm tội không mang tính chất vụ lợi, do đó Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- Một phong bì niêm phong ký hiệu M1 hoàn trả mẫu vật sau giám định là 0,346 gam mẫu vật; một phong bì niêm phong ký hiệu M2 hoàn trả mẫu vật sau giám định là 1,681 gam mẫu vật, đây là lượng ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành; một phong bì niêm phong đã cũ; một phong bì niêm phong cũ ký hiệu C1; một phong bì ký hiệu B1 được dán kín bên trong có chứa 01 (một) túi nilon màu trắng, 07 (bảy) gói giấy bạc màu vàng, 01 vỏ phong bì A1; một phong bì ký hiệu B2 được dán kín bên trong có chứa 02(hai) túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ký hiệu A3 là vật chứng không có giá trị. Những vật chứng nêu trên cần tịch thu tiêu hủy.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 864271032986582; IMEI 2: 864271033087588 đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, nên trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành. Hội đồng xét xử thấy đây là số tiền do bị cáo lao động mà có, cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 6, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Nông Ngọc Minh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 20N5 – 3640, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của chị Nông Thị Kim T, sinh năm 1988 (là chị gái ruột của M) cho M mượn xe để sử dụng, ngày 28/12/2018 cơ quan điều tra Công an huyện Võ Nhai đã trả lại xe mô tô trên cho chị T quản lý và sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này còn đối tượng bán ma túy cho M, nhưng M không biết cụ thể họ tên, địa chỉ vì vậy không có căn cứ làm rõ để xử lý.

Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam bị cáo Nông Ngọc M với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Ngọc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Ngọc M 21 (*hai mươi mốt*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (10/12/2018).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ Một phong bì niêm phong ký hiệu M1 hoàn trả mẫu vật sau giám định là 0,346 gam mẫu vật; một phong bì niêm phong ký hiệu M2 hoàn trả mẫu vật sau giám định là 1,681 gam mẫu vật, đây là lượng ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành; một phong bì niêm phong đã cũ; một phong bì niêm phong cũ ký hiệu C1; một phong bì ký hiệu B1 được dán kín bên trong có chứa 01 (một) túi nilon màu trắng, 07 (bảy) gói giấy bạc màu vàng, 01 vỏ phong bì A1; một phong bì ký hiệu B2 được dán kín bên trong có chứa 02(hai) túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ký hiệu A3 là vật chứng không có giá trị

- Trả lại cho bị cáo một điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 864271032986582; IMEI 2: 864271033087588 đây là tài sản hợp pháp của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

Tất cả vật chứng nêu trên hiện đang được Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/3/2019 và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 06/3/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam bị cáo Nông Ngọc M với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Ngọc M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện V;
- Viện kiểm sát huyện V;
- Bị cáo;
- UBND T.Tr ĐC, huyện V, TN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Kiên